TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2022
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô T Thuần
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng
2. Ông Đỗ Văn Bộ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn T Hiệp- Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Phùng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc*" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Cầu Nứa, xã Đoan B, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn Cầu Rô, xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị kết hôn cùng anh Nguyễn Văn T ngày 20/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng anh T ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 14/01/2010. Hiện con chung đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc và do tình hình sức khỏe, chị có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị Th ngày 20/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Th về làm dâu và sống chung cùng anh ngay, vợ chồng sinh sống cùng nhau được khoảng hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi, chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi nhau, chị Th tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay và không còn quan tâm đến nhau, anh Xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Th yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 14/01/2010. Hiện con chung đang ở cùng chị Th. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con cùng quan điểm của anh đồng ý với yêu cầu của chị Th.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2, Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 14/01/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Miễn án phí DSST cho chị Th do thuộc đối tượng hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn: bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 20/02/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc L, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Chị Th yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th, Xét thấy anh T và chị Th đã ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay, anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử, chứng tỏ anh T cũng không thật sự tha thiết vợ chồng về đoàn tụ, xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là là Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 14/01/2010. Hiện con chung đang ở cùng chị Th. Vợ chồng ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung anh T đồng ý, nên cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và các đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả chị Th và anh T xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: chị Nguyễn Thị Th thuộc hộ nghèo được miến án phí DSST là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

.

2, Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh Phương, sinh ngày 14/01/2010.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Th do chị Th thuộc đối tượng hộ nghèo.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc L ;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô T Thuần